

Họ và tên học sinh:

### ÔN TẬP TOÁN 5 GIỮA KÌ II

**Câu 1.** Số thích hợp để điền vào chỗ chấm:  $0,79m^3 = \dots\dots\dots dm^3$  là:

- A. 79
- B. 790
- C. 7900
- D. 79000

**Câu 2.** Tỉ số phần trăm của 32 và 50 là :

- A. 64%
- B. 65%
- C. 46%
- D. 63%

**Câu 3.** Diện tích toàn phần của hình lập phương có cạnh 9cm là:

- A.  $729cm^2$
- B.  $324cm^2$
- C.  $81cm^2$
- D.  $486cm^2$

**Câu 4.** Một hình tròn có diện tích là  $113,04cm^2$  thì bán kính là:

- A. 12cm
- B. 6cm
- C. 9cm
- D.  $18cm^2$

**Câu 5:** Số thích hợp điền vào chỗ chấm của  $4m^345dm^3$  là:

- A. 4,45
- B. 4,450
- C. 4,405
- D. 4,045

**Câu 6:** Diện tích hình tròn có bán kính  $r = 4dm$  là:

- A.  $50,24 dm^2$
- C.  $12,56 dm^2$
- B.  $25,14dm^2$
- D.  $25,12 dm^2$

**Câu 7:** Một hình thang có độ dài hai đáy lần lượt là 34cm và 42cm. Chiều cao hình thang 30cm thì diện tích hình thang là:

- A. 1170cm
- B.  $1160cm^2$
- C.  $1150 cm^2$
- D.  $1140 cm^2$

**Câu 8:** Một lớp học có 30 học sinh, trong đó có 12 bạn nữ. Hỏi số bạn nữ chiếm bao nhiêu phần trăm so với số học sinh cả lớp?

- A. 25%                      B. 60%  
C. 40%                      D. 125%

**Câu 9:** Một hình tam giác có diện tích  $600 \text{ cm}^2$ , độ dài đáy  $40 \text{ cm}$ . Chiều cao của tam giác là:

- A. 15cm                      B. 30cm  
C. 30                         D. 15

**Câu 10:** Giá trị của biểu thức:  $15 : 1,5 + 2,5 \times 0,2$  là:

- A. 10,5                      B. 15  
C. 10,05                     D. 1,05

**Câu 11:** Một bánh xe ô tô có bán kính  $1,3 \text{ m}$ . Vậy đường kính của bánh xe ô tô là:

- A. 1,69m                    B. 8,164m  
C. 2,6m                      D. 1,3m

**Câu 12:** Một hình lập phương có diện tích xung quanh là  $16 \text{ cm}^2$  thì cạnh của hình lập phương đó là:

- A. 2cm                        B. 3cm  
C. 4cm                        D. 6cm

**Câu 14:** Một hình thang có độ dài hai đáy lần lượt là  $26 \text{ cm}$  và  $64 \text{ cm}$ , chiều cao là  $7,2 \text{ dm}$ . Diện tích hình thang là:

- A.  $3240 \text{ cm}^2$                 B.  $3420 \text{ cm}^2$   
C.  $2430 \text{ cm}^2$                 D.  $2043 \text{ cm}^2$

**Câu 15:** Điền dấu  $>$  ;  $<$  ;  $=$  vào chỗ trống

- |                    |                      |
|--------------------|----------------------|
| $300 \text{ cm}^3$ | $3 \text{ dm}^3$     |
| $0,7 \text{ dm}^3$ | $700 \text{ cm}^3$   |
| $698 \text{ dm}^3$ | $0,0698 \text{ m}^3$ |
| $0,01 \text{ m}^3$ | $10 \text{ dm}^3$    |

**Câu 16:** Một người thợ hàn một cái thùng không nắp bằng sắt mỏng có dạng hình hộp chữ nhật dài 6dm, rộng 4dm, cao 3dm. Tính diện tích sắt phải dùng để làm thùng ( không tính mép hàn).

**Bài giải**

Diện tích xung quanh cái thùng là:

Diện tích mặt đáy của thùng là:

Diện tích sắt phải dùng để làm thùng là:

Đáp số:

**Câu 17:** Một căn phòng dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 4,5m; chiều rộng 3,5m và chiều cao 4m . Người ta quét vôi tường xung quanh căn phòng và trần nhà . Hỏi diện tích cần quét vôi là bao nhiêu mét vuông, biết tổng diện tích các cửa là 7,8 m<sup>2</sup>

**Bài giải**

Diện tích xung quanh căn phòng là:

Diện tích trần nhà là:

Diện tích cần quét vôi là:

Đáp số:

